TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT
Ngày 27-5-2020
V/v tranh chấp đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Các Thẩm phán: Bà Trần Minh Pnương

Ông Lê Anh Sơn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng***: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp đất đai.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà VTT; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Tống Minh Hữu; nơi cư trú: Phố Tó, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2019), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Văn Lưỡng - Luật sư Văn phòng luật sư Doanh Thương Chi nhánh Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông NVV; nơi cư trú:Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Những người có quyền lợi liên quan:*

+ Bà NLQ1 và chị NLQ2; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Ông NLQ3; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng (đã chết ngày 17 tháng 11 năm 2018).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ3:

+ Bà VTT, cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Anh D, cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Chị E; cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Anh F; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Anh G; cư trú tại: Thôn H, xã I, huyện C, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà VTT, có mặt.

- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà VTT trình bày: Bà VTT và chồng là ông NLQ3 (đã chết năm 2018, không để lại di chúc) có diện tích đất 516m^2 thuộc thửa đất số 351, tờ bản đồ số 12, tại xã B, thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc diện tích đất này do ông, cha để lại, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hồ sơ địa chính của xã thể hiện ông NLQ3 là người đứng tên chủ sử dụng đất. Liền kề thửa đất số 351 là thửa đất số 350 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông NVV và vợ là bà NLQ1. Năm 1994, vợ chồng bà cho vợ chồng ông NVV xây dựng bức tường trên thửa số 351 có chiều dài 21,15m chạy song song và cách ranh giới của hai thửa đất 350, 351 là 1,1m với lời hứa bao giờ vợ chồng bà xây dựng thì vợ chồng ông NVV sẽ phá tường để trả lại đất. Sau đó vợ chồng ông NVV không đồng ý trả đất, dẫn đến phát sinh tranh chấp giữa hai gia đình. Do anh J (là con trai bà, chết năm 2015) đã phá bức tường bao của vợ chồng ông NVV xây dựng nên ông NVV đã khởi kiện yêu cầu anh J phải bồi thường trị giá bức tường. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2003/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Tòa án nhân dân huyện An Dương và Bản án dân sự phúc thẩm số 33/2003/DS-PT ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã giải quyết buộc anh J phải bồi thường cho ông NVV số tiền là 501.479 đồng trị giá bức tường. Đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại, không xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông NVV. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông NVV đã xây dựng lại bức tường bao trên chính vị trí bức tường đã bị anh J phá bỏ trước đây; hai gia đình đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

Năm 2017, ông NVV đã xây dựng nhà trên diện tích đất tranh chấp. Theo kết quả xem xét, thẩm định của Tòa án thì thửa đất số 351 của bà VTT có diện tích ít hơn diện tích đất được thể hiện trong hồ sơ địa chính; thửa số 350 của ông NVV có diện tích đất được cấp lớn hơn diện tích ông NVV được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông NVV không khiếu nại, thắc mắc về diện tích đất được cấp nên không có cơ sở xác định diện tích dôi dư thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông NVV.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án buộc ông NVV phải trả lại cho gia đình nguyên đơn diện tích đất 23,26m^2 đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 12, tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn là ông NVV trình bày: Ông NVV và vợ là bà NLQ1 có diện tích đất 1056m^2 đất thuộc thửa số 350, tờ bản đồ số 12 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là do bố, mẹ ông để lại, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên NVV liền kề thửa đất số 350 là thửa đất số 351 của ông NLQ3 và bà VTT. Để phân định ranh giới giữa hai thửa đất, năm 1994 ông NVV đã xây dựng 01 bức tường bao nằm trên bờ mây thuộc quyền sử dụng đất của gia đình ông. Sau đó, giữa ông và vợ chồng ông NLQ3, bà VTT có xảy ra tranh chấp và anh J (con trai ông NLQ3, bà VTT) đã phá bức tường bao do ông xây dựng nên ông đã khởi kiện anh J. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Tòa án nhân dân huyện An Dương và bản án dân sự phúc thẩm số 33/2003/DS-PT ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đều nhận định ông NVV đã xây dựng bức tường trên bờ mây nằm trên diện tích đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông NVV và buộc anh J phải bồi thường cho ông NVV số tiền 501.479 đồng trị giá bức tường do anh J đã phá. Sau khi bản án của Tòa án hai cấp có hiệu lực pháp luật, ông đã xây lại bức tường để ngăn cách hai thửa đất trên đúng vị trí bức tường đã bị anh J phá đi trước đây. Từ khi xây dựng lại bức tường, hai gia đình sử dụng đất không có tranh chấp. Năm 2017, ông làm nhà theo đúng ranh giới của hai thửa đất, xây dựng móng nhà nằm đúng trên bức tường ngăn cách, không lấn sang phần đất của gia đình ông NLQ3 và bà VTT. Khi làm nhà, ông còn giữ nguyên một đoạn tường bao cũ nằm phía trước nhà. Nay ông NVV đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà VTT vì sự việc đã được Tòa án hai cấp xem xét giải quyết, hiện cả hai bản án vẫn còn hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị NLQ2, anh D, chị E, anh G và anh F thống nhất với lời trình bày của bà VTT, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà VTT, buộc ông NVV và bà NLQ1 phải trả lại diện tích đất 23,26m^2 đất cho bà VTT quản lý, sử dụng.

Bà NLQ1 nhất trí với lời trình bày của ông NVV và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 16/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 74; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 163, Điều 164, 169, 175, 176, 189, 190 và 248 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm d Khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai, xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà VTT về việc đề nghị Tòa án buộc ông NVV phải trả lại diện tích đất 21m^2 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Ngày 22/11/2019, nguyên đơn bà VTT kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc bị đơn ông NVV trả lại cho gia đình nguyên đơn diện tích 21m^2 đất do ông NVV đã làm nhà trên đất của nguyên đơn.

Ngày 20/12/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Dương với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện An Dương và đình chỉ giải quyết vụ án. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn phải trả diện tích 21m^2 đất tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng đã được 2 bản án sơ thẩm của TAND huyện An Dương và bản án phúc thẩm của TAND thành phố Hải Phòng xét xử xác định phần đất và buộc anh J phải bồi thường bức tường số tiền là 501.479 đồng hai bản án trên đã có hiệu lực.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm năm 2003 đã giải quyết buộc anh J phải bồi thường cho ông NVV bức tường là quan hệ tranh chấp bồi thường thiệt hại, không xác định phần đất là của ai. Việc ông NVV mượn đất của gia đình bà VTT là có thật. Theo hồ sơ địa chính: Diện tích gia đình bà VTT hiện đang sử dụng ít hơn, còn diện tích đất ông NVV nhỏ hơn diện tích thực tế sử dụng; không có căn cứ xác định bờ mây thuộc quyền sử dụng của ông NVV. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm dừng phiên tòa để xác định thẩm định lại diện tích đất tranh chấp.

Phát biểu của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Theo nhận định của hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm năm 2003 đã có hiệu lực, ông NVV xây dựng nhà trên phần đất của ông NVV nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Về kháng nghị: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại phần đất 21m^2 thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng đã được giải quyết bằng hai bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp đất đai đòi lại quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu dừng phiên tòa để xem xét lại phần diện tích đất tranh chấp. Xét thấy tại cấp sơ thẩm đã

xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp theo đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về nội dung:

Xét nội dung kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng cho rằng nguyên đơn khởi kiện đòi lại phần đất 21m^2 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng đã được giải quyết bằng hai bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Tại Bản án số 10/2003/DS-ST ngày 01/7/2003 của TAND huyện An Hải đã xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NVV đề nghị Tòa buộc anh J phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông NVV giá trị bức tường mà ông NVV đã xây, bản án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là bồi thường thiệt hại nên đã nhận định " *Đây là vụ kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ... Qua xác minh nhân chứng cung cấp và thực tế bờ mây thuộc quyền quản lý sử dụng của nhà anh NVV từ trước cho đến năm 1994 anh NVV mới phá dể xây dựng tường bao. Như vậy không có căn cứ để xác định bờ mây thuộc quyền sử dụng của nhà ông NLQ3, anh J được... qua xem xét và căn cứ vào thực tế thì anh NVV xây dựng tường nằm trên bờ mây của nhà anh NVV đã được phá bỏ, hiện tại gốc xoan vẫn còn*". Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông NVV thể hiện tại bản án sơ thẩm năm 2003 cho thấy ông NVV không yêu cầu Tòa công nhận diện tích đất tranh chấp nêu trên là của ông và bị đơn là anh J không có yêu cầu phản tố về diện tích đất do vậy phần bản án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn *"buộc anh J phải bồi thường cho anh NVV số tiền 501.479đ"*đây là số tiền ông NVV đã bỏ ra để xây dựng bức tường. Tại Bản án số số 33/2003/DS-PT ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận đinh: "*Căn cứ vào hồ sơ thì anh NVV đã xây bức tường ngăn trên phần đất của anh NVV được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Giữ nguyên bản án án sơ thẩm nêu trên và quyết định "*Buộc anh J phải bồi thường thiệt hại cho anh NVV số tiền là 501.479 đồng"*. Như vậy mặc dù phần nhận định của hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã nhận định về phần đất tranh chấp là của ông NVV nhưng phần quyết định của hai bản án chỉ tuyên về phần tài sản trên đất là bức tường do bị đơn đã phá. Không quyết định về phần đất tranh chấp là của ai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện An Dương đã thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai là có cơ sở nên không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Bà VTT cho rằng năm 1994 ông NVV xây dựng bức tường trên thửa số 351 có chiều dài 21,15m chạy song song và cách ranh giới của hai thửa đất 350, 351 là 1,1m (gia đình bà đã cho ông NVV mượn). Bức tường đã bị phá năm 2017 ông NVV lại xây lại trên đúng bức tường bị phá nên yêu cầu buộc ông NVV phải trả cho gia đình bà diện tích 21m^2 đất:

[3] *Xác định nguồn gốc đất tranh chấp*: Theo lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 351, tờ bản đồ số 12 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông NLQ3 và vợ là bà VTT; theo hồ sơ địa chính của xã thì thửa đất này hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 516m^2. Thửa đất số 350, tờ bản đồ số 12 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông NVV và vợ là bà NLQ1 đã được UBND huyện UBND huyện An Hải (nay là huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 11 năm 2000, có diện tích 1056m^2; đều có nguồn gốc của cha ông để lại. Căn cứ hồ sơ địa chính của xã thửa đất số 351 gia đình bà VTT đang sử dụng có mặt tiếp giáp đường thôn có chiều dài 26,7m; thửa số 350 mặt tiếp giáp đường thôn có chiều dài 32,5m; ranh giới phân chia hai thửa được thể hiện bằng đường thẳng, có chiều dài 21m.

[4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì thửa đất số 351 có diện tích 491,8m^2, có chiều tiếp giáp với mặt đường thôn là 26m; thửa đất số 350 có diện tích 1.107,7m^2, có chiều tiếp giáp mặt đường thôn dài 33,25m. Diện tích đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại là 21m^2, có vị trí, kích thước cụ thể: Phía bắc giáp đường thôn dài 1m; phía nam giáp hộ ông Hoa dài 1m; phía đông giáp đất bà VTT đang quản lý, sử dụng dài 16,91m+4,12m; phía tây giáp phần đất ông NVV quản lý, sử dụng dài 21m. Trên phần đất tranh chấp có 01 bức tường xây bằng gạch chỉ, không trát có kích thước cao 1,3m x dài 4,12m x dày 0,1m và phần bức tường phía đông của ngôi nhà do bị đơn xây dựng năm 2017, nằm đúng ranh giới hiện có của hai thửa đất.

[5] Xét thấy ranh giới hiện có giữa hai thửa đất là một phần bức tường đã cũ do ông NVV xây được tiếp nối chạy thẳng bởi bức tường phía đông của ngôi nhà một tầng bê tông cốt thép do ông NVV xây dựng năm 2017. Như vậy, mặc dù thực tế thửa đất số 351 hiện do gia đình bà VTT đang quản lý sử dụng có tổng diện tích thấp hơn so với hồ sơ địa chính của xã B, thửa số 350 của ông NVV bà NLQ1 sử dụng có tổng diện tích lớn hơn so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp nhưng vào năm 2003, do bị anh J phá bức tường bao ngăn cách. Tại Bản án số 10/2003/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã nhận định "*Qua xác minh các nhân chứng cung cấp và thực tế bờ mây thuộc quyền quản lý sử dụng của nhà anh NVV từ trước cho đến năm 1994 anh NVV mới phá để xây dựng tường bao. Như vậy không có căn cứ để xác định rằng bờ mây thuộc quyền sử dụng của nhà ông NLQ3 và anh J được. Hơn nữa việc anh NVV xây tường bao có đúng hay không, qua xem xét và căn cứ vào thực tế thì anh NVV xây tường nằm trên bờ mây của nhà anh NVV đã được phá bỏ, hiện tại mốc xoan vẫn còn*". Tại bản án số 33/DSPT ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận định "*Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thì anh NVV xây bức tường ngăn trên phần đất của anh NVV đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

[6] Sau khi hai bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật, ông NVV đã xây dựng lại tường bao ngăn cách trên đúng vị trí bức tường trước đây đã bị anh J phá bỏ,

điều này cũng được chính bà VTT thừa nhận; từ thời điểm đó đến khi ông NVV xây dựng nhà, hai gia đình quản lý, sử dụng đất ổn định, không có phát sinh tranh chấp. Năm 2017, ông NVV đã phá bỏ một phần bức tường phía trong để xây dựng nhà, mép tường của ngôi nhà ở phía đông nằm trên đúng vị trí bức tường trước đây, được tiếp nối chạy thẳng với phần bức tường còn lại. Đây cũng là ranh giới hiện có giữa hai thửa đất, ranh giới này dài 16,91m+4,12m, phù hợp với chiều dài ranh giới hai thửa đất được thể hiện trong hồ sơ địa chính của xã B. Như vậy, bức tường bao và phần bức tường phía đông của ngôi nhà do ông NVV xây dựng năm 2017, được sử dụng để ngăn cách giữa hai thửa đất nằm đúng trên vị trí bức tường anh J đã phá bỏ trước đây đã được hai bản án có hiệu lực pháp luật xác định trong phần nhận định. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả diện tích đất 21m^2 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

[7] Bà VTT cho rằng năm 1994 gia đình bà đã cho gia đình ông NVV mượn đất, xây dựng nhờ trên bức tường bao trên thửa đất số 351, ngoài lời khai của bà VTT không còn chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[8] Mặt khác nguyên đơn xác định: Diện tích gia đình bà VTT hiện đang sử dụng ít hơn so với hồ sơ địa chính còn thực tế diện tích đất ông NVV sử dụng lớn hơn so với diện tích ông NVV được cấp nên cho rằng là do ông NVV lấn chiếm 21m^2 đất là không có căn cứ. Khi có tranh chấp đất giáp ranh phải xem xét trực tiếp đối với cạnh giáp ranh về số đo, mốc giới ngoài ra phải tôn trọng ranh giới tồn tại giữa hai bên vì quá trình quản lý sử dụng đất của các bên có nhiều biến động, kỹ thuật đo đạc đất đai trước đây hầu hết là bằng thủ công, đất có nhiều bụi tre, nên không thể khẳng định việc đất của ông NVV đang quản lý, sử dụng thừa nghĩa là diện tích đất của bà VTT bị thiếu đất.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà VTT và không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn là người già được miễm toàn bộ án phí án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà VTT và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 148, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 99 Luật đất đai;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà VTT về việc đề nghị Tòa án buộc ông NVV phải trả lại diện tích đất 21m^2 tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn bà VTT.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Dương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thuỷ